

Số: 29 /BN-ATTP

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 12 năm 2018

GIẤY BIÊN NHẬN

Họ và tên người nộp hồ sơ: Nguyễn Thị Diễm Hương
Điện thoại: 0396849671
Đại diện cho cơ sở: Công ty cổ phần Dạy Bồi Hoàn – Phạm Rạng
Tên sản phẩm: Dưỡng kinh trắng
Địa chỉ: 160 Bàu An, Đa Vinh, TP. P. R. C., Ninh Thuận

Đã nộp 01 tập hồ sơ tự công bố sản phẩm có đóng dấu giáp lai (nếu có), thành phần hồ sơ bao gồm:

TT	Thành phần hồ sơ:	Có/không
1	Bản tự công bố sản phẩm	<u>✓</u>
2	Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ (bản chính hoặc bản sao chứng thực)	<u>✓</u>
3	Mẫu nhãn sản phẩm	<u>✓</u>
4	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	<u>không</u>
5	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP	<u>không</u>
6	Tài liệu khác liên quan:	

Ghi chú:

- Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm chỉ tiếp nhận và lưu hồ sơ tự công bố sản phẩm, không soát xét tính chất đúng/sai của hồ sơ. Việc đúng/sai của hồ sơ chờ cơ quan hậu kiểm.

- Ngay sau khi tự công bố sản phẩm, tổ chức, cá nhân được quyền sản xuất, kinh doanh sản phẩm và chịu trách nhiệm hoàn toàn về an toàn của sản phẩm đó.

- Trường hợp sản phẩm có sự thay đổi về tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo thì tổ chức, cá nhân phải tự công bố lại sản phẩm. Các trường hợp có sự thay đổi khác, tổ chức, cá nhân thông báo bằng văn bản về nội dung thay đổi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và được sản xuất, kinh doanh sản phẩm ngay sau khi gửi thông báo.

Người nộp hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người nhận hồ sơ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐH
Nguyễn Thị Diễm Hương

Chức
Hành sự nhận chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

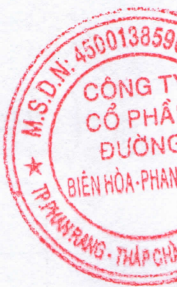
Số: 03/BHS.PR/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA – PHAN RANG
2. Địa chỉ: 160 Bác Ái, phường Đô Vinh, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
3. Điện thoại: 0259.3888.039 Fax: 0259.3888.633
4. E-mail: bhsphanrang@bhs.vn
5. Mã số doanh nghiệp: 4500138596
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 100/2016/NNPTNT–NT, ngày cấp: 25/07/2016. Nơi cấp: Chi cục quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG
WHITE SUGAR
2. Thành phần: Đường mía.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng tốt nhất 02 năm kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: bao 50kg.
 - Chất liệu bao gói: sản phẩm đựng trong bao bì 2 lớp PP bên ngoài và PE bên trong, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:
 - 5.1. Xuất xứ: Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng
 - Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA – PHAN RANG
 - Địa chỉ: 160 Bác Ái, phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
 - 5.2. Địa chỉ sản xuất: Sản phẩm được sản xuất và đóng gói tại:
 - Cơ sở 1:** Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang.
Địa chỉ: 160 Bác Ái, phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.
Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “E” sau ngày sản xuất.
Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy E
 - Cơ sở 2:** Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai.
Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.
Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “F” sau ngày sản xuất.
Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy F



Cơ sở 3: Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa.

Địa chỉ: Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “D” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy D

Cơ sở 4: Công ty Cổ phần Đường Nước Trong.

Địa chỉ: Xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ “H” sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy H

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Kim loại nặng: QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,5
2	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	0,05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1

2. Vi sinh: Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270: 2003: Đường trắng và đường tinh luyện – yêu cầu vệ sinh: Vi sinh vật.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí	Cfu/10g	200
2	Tổng số bào tử nấm men	Cfu/10g	10
3	Tổng số bào tử nấm mốc	Cfu/10g	10

3. Độc tố vi nấm: QCVN 8-1:2011/BYT – Giới hạn độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	5
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	15

4. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

5. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:

5.1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Tinh thể đường màu trắng, tương đối đồng đều, toi khô, không vón cục.
- Mùi vị: Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ.
- Màu sắc: Tinh thể đường màu trắng sáng, khi pha trong nước cất cho dung dịch đường trong suốt.

5.2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng saccharose	%	$\geq 99,7$
2	Hàm lượng đường khử	%	$\leq 0,1$
3	Tro dẫn điện	%	$\leq 0,07$
4	Độ ẩm (giảm khối lượng sau sấy ở 105°C trong 3 giờ)	%	$\leq 0,07$
5	Độ màu	ICUMSA	≤ 200

5.3. Hàm lượng hóa chất không mong muốn:

Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270: 2003: Đường trắng và đường tinh luyện
– yêu cầu vệ sinh: Dư lượng SO_2 .

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng SO_2	mg/kg	9

6. Hướng dẫn bảo quản: Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời. Không chất chung hàng hóa, thực phẩm khác trong quá trình vận chuyển và phải lưu trữ tách biệt đường với các sản phẩm khác để tránh hấp phụ mùi, ẩm và các nhiễm chéo khác.

Điều kiện lưu trữ, vận chuyển tốt nhất khi: Nhiệt độ môi trường và nhiệt độ đường không chênh lệch quá 10°C , ẩm độ môi trường không quá 70%. Bao đường chất càng thấp càng tốt nhằm hạn chế đường bị vón do nén.

7. Hướng dẫn sử dụng: Được sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thức ăn, thức uống.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Ninh Thuận, ngày 18 tháng 12 năm 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG
BIÊN HÒA - PHAN RANG
NGUYỄN QUÁCH THƯ THƯ
GIÁM ĐỐC

600mm

200 mm

30 mm

PHAN RANG - ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG

50 KG



TTC - PHAN RANG

ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG WHITE SUGAR

KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT): 50 kg

THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA

SACCHAROSE $\geq$ 99.7 %

Sản phẩm của

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA - PHAN RANG

160 Đường Bắc Ái, Phường Đô Vinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Thuận, Việt Nam

ĐT: (0259) 3888 039 - Website : www.bhs.vn



Cải thiện môi trường sống bằng việc tái chế và tái sử dụng

- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
 - TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI
 - SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 02 NĂM KỂ TỪ NGÀY SẢN XUẤT
- BEST BEFORE 02 YEARS FROM PRODUCTION DATE



NSX/MFG: dd.mm.yy ABC số seri D

PHAN RANG - ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG 50 KG

30 mm

930mm

100 mm

BP. QHSE

[Signature]

Nguyễn Thị Diễm Hương

BP. CT SX

[Signature]

Trần Công Thiên



11/12/2018

[Signature]

Nguyễn Quách Như Như

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG
BIÊN HÒA - PHAN RANG**

Số: 1.3...../2022/CV-BHS.PR

V/v thay đổi 1 số nội dung trong hồ sơ tự
công bố của Công ty CP Đường Biên Hòa
– Phan Rang,

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 03 năm 2022.

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH NINH THUẬN

- Căn cứ Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ, ngày 02 tháng 02 năm 2018;
- Căn cứ Thông tư 12/2021/TT-BYT của Bộ Y tế, ngày 06 tháng 09 năm 2021;
- Căn cứ tình hình thực tế,

Trước hết Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của quý Chi cục trong thời gian vừa qua.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang hiện có 3 sản phẩm đường tự công bố là Đường kính trắng (03/BHS.PR/2018), Đường trắng cao cấp (02/BHS.PR/2018) và Đường trắng tiêu chuẩn (01/BHS.PR/2018). Công ty chúng tôi xin điều chỉnh 1 số nội dung trong các Hồ sơ tự công bố chất lượng các sản phẩm của Công ty, cụ thể như sau:

Hồ sơ tự công bố	Diễn giải	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh
01/BHS.PR/2018 Đường trắng tiêu chuẩn	Thời hạn sử dụng sản phẩm	Sử dụng tốt nhất 02 năm kể từ ngày sản xuất	Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất
	Địa chỉ sản xuất	Cơ sở 4: Công ty Cổ phần Đường Nước Trong Địa chỉ: Xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh	(Bỏ nội dung này vì Công ty Cổ phần Đường Nước Trong không còn hoạt động)
	Độc tố vi nấm	– Aflatoxin B1 ≤ 5 µg/kg – Aflatoxin B1B2G1G2 ≤ 15 µg/kg	(Bỏ nội dung này theo Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Điều 1 Thông tư 12/2021/TT-BYT ngày 06/09/2021)
	Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Độ màu ≤ 200 ICUMSA	(Bỏ nội dung này để phù hợp với thực tế sản xuất và kinh doanh)
02/BHS.PR/2018 Đường trắng cao cấp	Thời hạn sử dụng sản phẩm	Sử dụng tốt nhất 02 năm kể từ ngày sản xuất	Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất
	Địa chỉ sản xuất	Cơ sở 4: Công ty Cổ phần Đường Nước Trong Địa chỉ: Xã Tân Hội, huyện	(Bỏ nội dung này vì Công ty Cổ phần Đường Nước Trong không còn hoạt

Hồ sơ tự công bố	Diễn giải	Nội dung cũ	Nội dung điều chỉnh
		Tân Châu, tỉnh tây Ninh	động)
	Độc tố vi nấm	– Aflatoxin B1 $\leq 5 \mu\text{g/kg}$ – Aflatoxin B1B2G1G2 $\leq 15 \mu\text{g/kg}$	(Bỏ nội dung này theo Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Điều 1 Thông tư 12/2021/TT-BYT ngày 06/09/2021)
	Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Độ màu $\leq 150 \text{ ICUMSA}$	(Bỏ nội dung này để phù hợp với thực tế sản xuất và kinh doanh)
03/BHS.PR/2018 Đường kính trắng	Thời hạn sử dụng sản phẩm	Sử dụng tốt nhất 02 năm kể từ ngày sản xuất	Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất
	Địa chỉ sản xuất	Cơ sở 4: Công ty Cổ phần Đường Nước Trong Địa chỉ: Xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh tây Ninh	(Bỏ nội dung này vì Công ty Cổ phần Đường Nước Trong không còn hoạt động)
	Độc tố vi nấm	– Aflatoxin B1 $\leq 5 \mu\text{g/kg}$ – Aflatoxin B1B2G1G2 $\leq 15 \mu\text{g/kg}$	(Bỏ nội dung này theo Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Điều 1 Thông tư 12/2021/TT-BYT ngày 06/09/2021)
	Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Độ màu $\leq 200 \text{ ICUMSA}$	(Bỏ nội dung này để phù hợp với thực tế sản xuất và kinh doanh)

Bằng công văn này, chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục về các thay đổi trong Hồ sơ tự công bố của Công ty để thuận tiện trong việc quản lý.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, VH.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG
BIÊN HÒA - PHAN RANG**

Số: ...02.../2023/CV-BHS.PR

V/v Thay đổi nhãn bao bì các sản phẩm
đường của Công ty Cổ phần Đường Biên
Hòa – Phan Rang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 01 năm 2023.

Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH NINH THUẬN

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4500138596 của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang;
- Căn cứ hồ sơ tự công bố số 01/BHS.PR/2018 cho sản phẩm Đường trắng tiêu chuẩn ngày 10/08/2018;
- Căn cứ hồ sơ tự công bố số 02/BHS.PR/2018 cho sản phẩm Đường trắng cao cấp ngày 10/08/2018;
- Căn cứ hồ sơ tự công bố số 03/BHS.PR/2018 cho sản phẩm Đường kính trắng ngày 10/08/2018;
- Căn cứ Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 về việc ghi nhãn hàng hóa;

Trước hết Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của quý Chi cục trong thời gian vừa qua.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang hiện có 3 sản phẩm đường tự công bố là Đường kính trắng (03/BHS.PR/2018), Đường trắng cao cấp (02/BHS.PR/2018) và Đường trắng tiêu chuẩn (01/BHS.PR/2018). Căn cứ nhu cầu sản xuất và kinh doanh của Công ty, định hướng từ Tổng Công ty ngành đường, Chúng tôi có nhu cầu điều chỉnh một số nội dung trên nhãn bao bì của các sản phẩm Đường kính trắng, Đường trắng cao cấp và Đường trắng tiêu chuẩn, nội dung thay đổi nhãn cụ thể như sau:

Loại đường	Thông tin	Nhãn cũ	Nhãn mới
Đường trắng tiêu chuẩn	Logo nhãn		
	Thông tin thành phần	Saccharose (%): ≥ 99.7	(Bỏ nội dung này)
	Thông tin địa điểm sản xuất	(Không có)	Xuất xứ: Việt Nam
	Thông tin cảnh báo	(Không có)	Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng Ngày sản xuất được in trên bao bì
Đường kính trắng	Logo nhãn		
	Thông tin thành phần	Saccharose (%): ≥ 99.7	(Bỏ nội dung này)

Loại đường	Thông tin	Nhãn cũ	Nhãn mới
	phần		
	Thông tin địa điểm sản xuất	(Không có)	Xuất xứ: Việt Nam
	Thông tin cảnh báo	(Không có)	Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng Ngày sản xuất được in trên bao bì
Đường trắng cao cấp	Logo nhãn		
	Thông tin thành phần	Saccharose (%): ≥ 99.7	(Bỏ nội dung này)
	Thông tin địa điểm sản xuất	(Không có)	Xuất xứ: Việt Nam
	Thông tin cảnh báo	(Không có)	Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng Ngày sản xuất được in trên bao bì

Đính kèm mẫu nhãn đã thay đổi.

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định của luật pháp về việc:

- Ghi nhãn hàng hóa theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 về việc ghi nhãn hàng hóa và thông tư 05/2019/TT-BKHCN ngày 26/06/2019 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 43/2017/NĐ-CP.
- Chất liệu bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo đúng quy định của Bộ y tế.

Bằng công văn này, Chúng tôi xin thông báo đến Quý Chi cục về các thay đổi trong Hồ sơ tự công bố của Công ty để thuận tiện trong việc quản lý.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, VH.

GIÁM ĐỐC *Chun*



Nguyễn Tiến Cường

Ngày 13/01/2023

Duyệt Lh Công



Nguyễn Kiến Cường

200 mm

30 mm

ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG 50 KG



ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG WHITE SUGAR

KHỐI LƯỢNG TỊNH (NET WEIGHT): 50 kg
THÀNH PHẦN: ĐƯỜNG MÍA

Sản phẩm của
**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG BIÊN HÒA – PHAN RANG**

160 Đường Bác Ái, P. Đô Vinh, Tp. Phan Rang

Tháp Chàm, Ninh Thuận

ĐT: 0259.3888.039 - Website: www.bhs.vn

Xuất xứ: Việt Nam

ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG 50 KG

NSX/MFG: 08.08.15 EBC 1234567

30 mm



Ghi chú: Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời và độ ẩm cao. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

- SỬ DỤNG TRỰC TIẾP VÀ DÙNG TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
- BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THÔNG MÁT. TRÁNH NƠI ẨM, NHIỆT ĐỘ CAO VÀ DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI
- THÔNG TIN CẢNH BÁO: KHÔNG SỬ DỤNG SẢN PHẨM KHI CÓ DẤU HIỆU HƯ HỎNG
- NGAY SẴN XUẤT ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ
- SỬ DỤNG TỐT NHẤT TRƯỚC 24 THÁNG KẾ TỪ NGÀY SẢN XUẤT



100 mm

KT3-06818BTP2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

06/01/2023
Page 01/04

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG KÍNH TRẮNG / WHITE SUGAR
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
As received sample is contained in sealed package.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 27/12/2022
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 29/12/2022 - 06/01/2023
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA – PHAN RANG
Customer
160 Bắc Ái, phường Đô Vinh, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02-04/04
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản ánh chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 4275 Email: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 750000 C5 lot, K1 road, Cat Lai 2 Dist 2, HCMC, Vietnam 707000 69 Le Hong Phong, Dist 5, HCMC, Vietnam

KT3-06818BTP2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

06/01/2023
Page 02/04

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan/ Sensory test	QTTN/KT3 234 : 2019	-	-	Tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, tơi khô, không vón cục/ White crystals, equal size, dry, no curdle
• Trạng thái/ State				
• Màu sắc/ Color	QTTN/KT3 234 : 2019		-	Tinh thể màu trắng, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong White crystals, clear solution when adder water
• Mùi vị/ Odor & taste	QTTN/KT3 234 : 2019		-	Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ/ Crystal sugar or solution of sugar in water have sweet taste, free from foreign odor & taste
7.2. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, Sucrose content (m/m)	% GS 1/2/3/9-1 (2011) ICUMSA		-	99,8

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-06818BTP2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

 06/01/2023
 Page 03/04

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Limit of Detection	Phạm vi đo/ <i>Range of measurement (≥)</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.3. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % <i>Reducing sugars content (m/m)</i>	GS 2/3/9-5 (2011) ICUMSA		-	4,60 x 10 ⁻²
7.4. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % <i>Conductivity ash content (m/m)</i>	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA		-	3,20 x 10 ⁻²
7.5. Độ ẩm tính theo khối lượng, % <i>Moisture content (m/m)</i>	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA		-	2,40 x 10 ⁻²
7.6. Độ màu ICUMSA / Color, IU	TCVN 6333 : 2010		-	200
7.7. Hàm lượng chì, mg/kg <i>Lead content</i>	QTTN/KT3 196 : 2018 (Ref: AOAC (2013.06))	2,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.8. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg <i>Mercury content</i>	QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC (971.21))	1,50 x 10 ⁻²		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Hàm lượng cadimi, mg/kg <i>Cadmium content</i>	AOAC 2019 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.10. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg <i>Total arsenic content</i>	TCVN 8427 : 2010	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.11. Hàm lượng đồng, mg/kg <i>Copper content</i>	QTTN/KT3 295:2021 (Ref: AOAC (999.11))	0,12		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.12. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO ₂), mg/kg <i>Sulfur dioxide content</i>	GS 2/1/7/9 - 33 (2011) ICUMSA		-	0,88

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-06818BTP2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

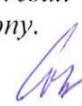
06/01/2023
 Page 04/04

7. Kết quả thử nghiệm /Test results :

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/ <i>Limit of Detection</i>	Phạm vi đo/ <i>Range of measurement (≥)</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.13. Hàm lượng tạp chất không tan, mg/kg <i>Insoluble matter content</i>	GS 2/3/9 – 19 (2007) ICUMSA		-	5,20
7.14. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g <i>Total mesophilic bacterial count</i>	GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-		3,5 x 10 ¹
7.15. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/10 g <i>Total yeasts & moulds</i>	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-		Nhỏ hơn 1 ^(*) <i>Less than</i>

Ghi chú/ Notes:

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g; 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g; 10 CFU/g when the dish contains no colony.*



QUATEST 3®

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

ANALYTICAL REPORT

Sample Code : 743-2022-00158615
Analytical Report : AR-23-VD-002155-01-EN / EUVNHC-00197821



BIEN HOA - PHAN RANG SUGAR JOINT STOCK COMPANY

160 Bac Ai Street, Do Vinh Ward, Phan Rang - Thap Cham City
Ninh Thuan Province, VIETNAM

Sample described as: White sugar
Conditioning: The sample is kept in plastic bag
Sample reception date: 29/12/2022
Analysis Time : 30/12/2022 - 06/01/2023
Client due date : 07/01/2023
Your purchase order reference: NA9J221228539
Eol sample code : 005-32410-147016

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Not detected (LOD=0.003)
2	VD2PV VD 2,4-D	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
3	VD2Q6 VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
4	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
5	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
6	VD2S6 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
7	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
8	VD2UB VD Cyhalothrin and lambda-cyhalothrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
9	VD2Q0 VD (a) Cypermethrins (including alpha- and zeta - cypermethrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
10	VD2Q2 VD Dicamba	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
11	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
12	VD2SD VD (a) Imazapic	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
13	VD2P5 VD Isoxaflutole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
14	VD2SF VD Mesotrione	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
15	VD2PH VD (a) Novaluron	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)

ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
16	VD2R5 VD (a) Propiconazole (sum of isomers)	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
17	VD2QT VD (a) Tebufenozide	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
18	VD2TK VD (a) Trinexapac-ethyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.05)

LOD: Limit Of Detection.

SIGNATURE



Nguyễn Anh Vũ
HCMC Lab Manager



Lý Hoàng Hải
General Manager Food & Feed Testing Vietnam

Report electronically validated by Nguyễn Anh Vũ 07/01/2023

EXPLANATORY NOTE

This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.
Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.
The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.
All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang.
"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2022-00158615	
Mã số kết quả :	AR-23-VD-002155-01-VI / EUVNHC-00197821	

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang 160 Bắc Ái, Phường Đô Vinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Tên mẫu :	Đường kính trắng
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu :	29/12/2022
Thời gian thử nghiệm :	30/12/2022 - 06/01/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	07/01/2023
Mã số PO của khách hàng :	NA9J221228539
Mã số mẫu Eol :	005-32410-147016

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.003)
2	VD2PV VD 2,4-D	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
3	VD2Q6 VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
5	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
6	VD2S6 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
7	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
8	VD2UB VD Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
9	VD2Q0 VD (a) Cypermethrins (bao gồm alpha- và zeta - cypermethrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
10	VD2Q2 VD Dicamba	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
11	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
12	VD2SD VD (a) Imazapic	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
13	VD2P5 VD Isoxaflutole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
14	VD2SF VD Mesotrione	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
15	VD2PH VD (a) Novaluron	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
16	VD2R5 VD (a) Propiconazol (Tổng các đồng phân)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)

EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED

Reception office: Floor M, 141 Nguyen Du, District 1, HCMC

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

Web: www.eurofins.vn

Document number: EVN-P-AR-FO3559

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

[3] Hanoi branch: 4F, B Building, 103 Van Phuc, Ha Dong District, Ha Noi.

Phone: (84.28) 7107 7879

Version: 08

Email: VN01_ASM_HCMC@eurofins.com

Effective date: 01/12/2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
17	VD2QT VD (a) Tebufenozid	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
18	VD2TK VD (a) Trifloxypac-ethyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 07/01/2023

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

